

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **83/2022/DSST**

Ngày: 09/9/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đại Minh và ông Nguyễn Tấn Phát

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đức Vũ Tài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Hữu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 109/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2022/QĐST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2022/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thanh S, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Đường Đ, phường X, TP. TH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn:

+ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1959; địa chỉ: Đường B, phường K, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: Đường B, phường K, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đinh Hồ Hạnh S1, sinh năm 1992; địa chỉ: Đường Đ, phường X, TP. TH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2. Ông Phạm H1, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn P, xã H, Thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S trình bày được tóm tắt như sau: theo Hợp đồng kinh tế mua xe máy ngày

02/8/2016, bà Nguyễn Thị M và Nguyễn Thị H có mua của bà S 01 xe Suvina, số máy 232193, số khung 002193, số tiền còn nợ 7.440.000đ. Đến ngày 30/10/2016 trả được 640.000đ; tiền lãi phải trả từ ngày mua xe ngày 02/8/2016 đến ngày 30/10/2016 là 245.000đ ($7.440.000đ \times 1.125\%/tháng \times 88 \text{ ngày}$) thì tiền gốc còn nợ lại là 7.045.520đ ($7.440.000đ + 245.000đ - 640.000đ$). Do đó, bà S yêu cầu bà M và bà H phải trả nợ gốc 7.045.520đ và tiền lãi theo mức lãi suất 1.125%/tháng từ ngày 30/10/2016 đến ngày trả nợ cuối cùng.

Tại biên bản làm việc, bà S xác định ngày trả nợ là ngày 3/10/2016, bị đơn trả được 640.000 đồng. Từ ngày mua xe đến ngày trả nợ đầu tiên tính tiền lãi là $7.440.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/tháng \times 61 \text{ ngày} = 170.190 \text{ đồng}$. Số tiền gốc còn nợ là 6.970.000 đồng ($7.440.000 \text{ đồng} - 640.000 \text{ đồng} + 170.190 \text{ đồng}$). Yêu cầu cả bà M và bà H phải trả gốc 6.970.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 03/10/2016 đến khi trả nợ xong, lãi suất là 1,125%/tháng. Tại đơn trình bày, bà S trình bày tại đơn khởi kiện, bà S ghi thời gian trả nợ cuối cùng là 30/10/2016. Tuy nhiên, trong Hợp đồng ghi chú thời điểm trả nợ là 03/10/2016 nên bà S xác định lại mốc thời gian bị đơn trả nợ cuối cùng cho bà là ngày 03/10/2016, gốc chưa trả tính đến ngày 03/10/2016 là 6.970.000 đồng. Yêu cầu Tòa án tính lãi theo lãi suất là 1,125%/tháng từ ngày 03/10/2016 cho đến khi bị đơn trả nợ xong.

**Bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 24/11/2021, ngày 22/8/2022, cụ thể như sau:* Bà M đang ở tại Đường B, phường K, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Tuy nhiên, bà và con gái Nguyễn Thị H thường đi làm từ sáng đến tối, nhà khóa cửa, không có ai ở nhà. Đối với việc mua xe của bà S thì Bà M trình bày từ trước đến nay không gặp bà S và không mua xe của bà Sưng, bà không biết lái xe máy, không có bằng lái xe, bà cũng không ký Hợp đồng mua xe máy. Bà M biết con gái bà là Nguyễn Thị H trực tiếp mua xe của doanh nghiệp TS và ký tên của bà vào Hợp đồng mua bán xe. Do chưa trả đủ tiền nên bà S không giao giấy tờ, cavet xe, chiếc xe bị tai nạn nên cũng đã bán phế liệu hiện nay không còn.

Bà M không yêu cầu Tòa án phải giám định chữ ký của bà vì con gái bà đã thừa nhận ký chữ ký của bà, Bà M cũng đồng ý trả nợ. Bà biết chị H đã trả được 5.580.000 đồng, còn nợ lại 1.860.000 đồng nhưng giấy tờ chứng minh việc trả nợ thì bị mất hết nên không cung cấp được cho Tòa. Nay chấp nhận trả nợ cho bà S 300.000 đồng mỗi tháng cho đến khi hết nợ. Bà Nguyễn Thị M bị bệnh ở chân, không đi xa được. Những gì bà biết đã trình bày, yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà trong suốt quá trình làm việc cũng như khi Tòa án xét xử. Các giấy tờ, quyết định của Tòa thì yêu cầu gửi về địa chỉ Đường B, phường K, thành phố TH, tỉnh Phú Yên.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Hồ Hạnh S1 vắng mặt nhưng có gửi đến Tòa án đơn kính báo có nội dung trình bày sau:*

Trong thời gian mẹ bà là Hồ Thị Thanh S đi tù từ ngày 24/6/2014 đến ngày 24/6/2016 có ủy quyền cho bà được phép thay mẹ ký và bán xe của doanh nghiệp. Ngày 02/8/2016, bà có bán cho bà Nguyễn Thị M ngụ tại 5 Đường B, phường K, thành phố TH, tỉnh Phú Yên 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Suvina số máy 232193. Nay bà làm đơn này báo với Tòa án biết là chiếc xe này của bà Hồ Thị Thanh S, bà chỉ

thay mặt bà S trong thời gian bà S chấp hành án tù để bán chiếc xe trên. Nay bà S về bà giao lại mọi thứ cho bà S và bà S có quyền giải quyết mọi việc liên quan đến chiếc xe mà Bà M mua. Đề nghị quý Tòa chấp nhận để bà S có thể kiện và giải quyết nợ của bà Mai.

- *Tại bản tự khai ngày 26/11/2021, ngày 01/8/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:* Năm 2016, bà H có mua xe của bà Đinh Hồ Hạnh S1 giá 7.440.000 đồng, trả góp được 01 tháng số tiền 620.000 đồng. Lúc đó bà S đang ở tù nên bà không biết. Từ khi mua xe vào tháng 8/2016 đến tháng 5/2017 bà đã trả được 9 tháng, tổng số tiền 5.580.000 đồng, còn nợ lại 1.860.000 đồng. Khi ký hợp đồng mua bán xe, bà H tự ý ký tên của bà Nguyễn Thị M, còn Bà M không biết việc mua xe. Vì bà H chưa trả đủ tiền nên chưa được nhận cavet xe. Chiếc xe hiện nay bị hư hỏng nên đã bán phế liệu. Bà H chỉ đồng ý trả 1.860.000 đồng. Trong quá trình trả tiền góp thì bà H có lưu giữ các biên lai nhưng do đã bị thất lạc nên không cung cấp được cho tòa. Bà H yêu cầu giải quyết vắng mặt bà.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm H1 vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai do Tòa án thu thập trình bày:*

Ông là nhân viên của Doanh nghiệp tư nhân thương mại (DNTNTM) TS từ năm 2002 đến nay. Ông làm công việc lắp ráp xe từ năm 2012 thì bà S giao cho ông đứng tên trên giấy đăng ký xe bán cho khách hàng mua xe trả góp, những xe này là sở hữu của DNTNTM TS. Bà S kiện họ vì chưa trả tiền mua xe nếu sau này họ trả tiền cho bà S thì ông sẽ ký giấy bán lại xe, còn các thủ tục sang tên là người mua và bà S, ông không biết và không liên quan gì đến việc này, toàn bộ giấy tờ liên quan do bà S giữ nên ông không có tài liệu gì cung cấp cho Tòa án. Do đó xin được vắng mặt trong các buổi làm việc của Tòa án, không yêu cầu Tòa án phải thông báo cho ông nội dung các lần làm việc của bà S với khách hàng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu* quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật:

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 430, 433, 440 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S, buộc bị đơn bà Mai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H phải trả tiền gốc 6.820.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 30/10/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm. Về án phí: buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tư cách tố tụng của đương sự: Tại đơn khởi kiện ngày 03/3/2017, bà S khởi kiện bà Nguyễn Thị M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, yêu cầu bà M và bà H trả nợ cho bà. Tại biên bản làm việc ngày 11/7/2022, bà S

vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu cả bà M và bà H phải có trách nhiệm trả nợ cho bà, không ai bảo lãnh cho ai. Xét, bà S khởi kiện yêu cầu cả bà M và bà H có nghĩa vụ trả nợ nên xác định bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị H đều là bị đơn trong vụ án, đảm bảo quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo Điều 5 và khoản 3, Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Hồ Thị Thanh S khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị M và Nguyễn Thị H trả nợ theo hợp đồng mua bán tài sản đã ký kết giữa các bên, nên xác định là tranh chấp hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại địa chỉ Đường B, phường K, thành phố TH nên Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý và giải quyết theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Hồ Thị Thanh S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị H được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Tại Hợp đồng kinh tế mua bán xe máy bản gốc lập ngày 02/8/2016 thể hiện bên mua xe Nguyễn Thị M, người bảo lãnh là Nguyễn Thị H mua xe Suvina, số máy 232193, số khung 002193, số tiền mua là 7.440.000đ, mỗi tháng trả góp 620.000 đồng, góp trong thời gian 12 tháng. Bà H, Bà M cùng ký tên người mua.

[5] Tại phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 03 tháng 4 năm 2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hòa cung cấp thông tin về chiếc xe bị đơn đã mua của nguyên đơn có biển số C, kèm tài liệu xác định xe C do ông Phạm H1 đứng tên chủ sở hữu. Ông Phạm H1 thừa nhận ông là nhân viên của nguyên đơn và được nguyên đơn ủy quyền đứng tên trên các Giấy đăng ký xe bán cho khách hàng. Căn cứ Điều 2 Hợp đồng trả góp mua xe máy ký ngày 02 tháng 8 năm 2016, các bên có thỏa thuận “...*khi mua xe thì bên mua phải ủy quyền cho nhân viên của bà S đứng tên chủ sở hữu xe, ... kể từ ngày ký hợp đồng chiếc xe là tài sản sở hữu của bà Sương, khi nào trả hết nợ cho bà S thì nhân viên ký giấy bán có xác nhận của chính quyền địa phương, bà Sết trách nhiệm về mặt giấy tờ đối với bên mua...*”.

[6] Bị đơn Nguyễn Thị M trình bày bà không ký vào Hợp đồng mua bán xe với bà S nhưng biết con gái bà là Nguyễn Thị H có mua xe của doanh nghiệp TS, bà không yêu cầu giám định và đồng ý trả nợ hàng tháng cho bà Sương. Bà H thừa nhận việc mua xe và tự ký tên Bà M vào Hợp đồng mua bán xe. Như vậy, khẳng định giữa doanh nghiệp TS và bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị M có tồn tại Hợp đồng mua xe máy như nguyên đơn cung cấp cho Tòa là đúng.

[7] Nguyên đơn trình bày từ khi mua xe, bị đơn mới thanh toán được 01 kỳ là 640.000 đồng vào ngày 03/10/2016. Bà H trình bày bà đã trả được cho bà S tổng số tiền 5.580.000 đồng, còn nợ lại 1860.000 đồng. Tuy nhiên, bà H không cung cấp được các biên lai chứng minh việc bà đã trả nợ nên không có căn cứ chấp nhận.

[8] Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sương, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị H cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà S số nợ gốc 6.970.000 đồng (Sáu triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng) theo quy định tại Điều 298 Bộ luật dân sự năm 2005.

[9] Về tiền lãi: Tại Hợp đồng mua xe ký ngày 02 tháng 8 năm 2016, các bên thỏa thuận lãi chậm trả bằng 2,5%/tháng. Như vậy, áp dụng quy định tại các Điều 438, khoản 2 Điều 476 BLDS 2005 thì Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận tính lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005 là 150% của mức lãi suất cơ bản (tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 là 9%/năm). Tại đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án, bà S yêu cầu tính lãi trên lãi suất là 1,125%/tháng, xét phù hợp với Điều 438, khoản 2 Điều 476 BLDS 2005 nên chấp nhận. Thời gian tính lãi từ ngày xác nhận nợ là ngày 03/10/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 09 tháng 9 năm 2022 là 5 năm 11 tháng 06 ngày x 6.970.000đồng x 1,125%/tháng = 5.582.969 đồng.

Như vậy, số tiền gốc và lãi bà H và Bà M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà S là 6.970.000đ + 5.582.969 đồng = 12.552.969 đồng.

Khi bị đơn trả xong nợ và có yêu cầu chuyển quyền sở hữu đối với xe mô tô biển số 78G1-299.83 thì bà Hồ Thị Thanh S, ông Phạm H1 phải thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu xe cho bị đơn.

[10] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng số tiền 12.552.969đ x 5% = 627.648đồng. Hoàn lại cho nguyên đơn tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 428, 431, 432, 438, 439, 305 BLDS 2005.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S, buộc bị đơn Nguyễn Thị M và Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn Hồ Thị Thanh S số tiền tính đến ngày 09/9/2022 là 12.552.969 đồng (*Mười hai triệu năm trăm năm mươi hai nghìn chín trăm sáu mươi chín đồng*), bao gồm nợ gốc mua xe là 6.970.000 đồng và tiền lãi 5.582.969 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS 2015.

Sau khi bị đơn trả hết nợ và có yêu cầu chuyển quyền sở hữu xe mô tô biển số 78G1-299.83 thì bà Hồ Thị Thanh S, ông Phạm H1 phải có trách nhiệm hoàn tất

các thủ tục chuyển quyền sở hữu cho bị đơn. Lệ phí chuyển quyền sở hữu (sang tên và tiền thuế trước bạ lần 02) do bị đơn chịu.

Về án phí: Bị đơn phải chịu số tiền 627.648 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Hồ Thị Thanh S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0005258 ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp. Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hòa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Uyên